

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2020/DS-ST
Ngày: 24 - 12 - 2020
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hôm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Minh Tuấn

2. Bà Dư Mỹ Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Nhan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa

Ngày các ngày 17 và 24 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 184/2020/TLST - DS, ngày 09 tháng 7 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2020/QĐXXST-DS, ngày 02 tháng 12 năm 2020 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Anh Danh M, sinh năm: 1978; địa chỉ cư trú: Ấp Láng Sen, xã Bàn Thạch, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có mặt)

2. *Bị đơn:*

2.1. Anh Danh P, sinh năm: 1974

2.2. Chị Thị C, sinh năm: 1976

Cùng địa chỉ cư trú: khu phố Vĩnh Phước, thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của Chị Thị C là Anh Danh P, sinh năm: 1974; địa chỉ cư trú: khu phố Vĩnh Phước, thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 02/12/2020, có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/5/2020, quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa nguyên đơn Anh Danh M trình bày:

Vào ngày 09 tháng 3 năm 2015 anh có cho vợ chồng Anh Danh P, Chị Thị C vay số tiền là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng, có làm hợp đồng vay vào ngày 09 tháng 3 năm 2015. Anh P, chị C có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO293970 cho anh. Sau khi vay anh P, chị C có đóng lãi cho anh được 02 tháng sau đó không đóng nữa. Từ đó đến nay anh P, chị C không thanh toán vốn gốc và lãi cho anh, anh có đến yêu cầu anh P, chị C thanh toán nợ nhiều lần nhưng anh P, chị C chỉ hứa chứ không thực hiện.

Sự việc trên anh có làm đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết, tại biên bản hòa giải ngày 22/4/2020 anh P, chị C cũng thừa nhận có vay của anh số tiền trên.

Nay anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng Anh Danh P, Chị Thị C phải trả cho anh số tiền vay gốc là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 09/3/2015 đến ngày xét xử vụ án.

Tại bản tự khai ngày 30/9/2020, biên bản hòa giải ngày 02/12/2020, quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa Anh Danh P trình bày:

Anh thừa nhận vào ngày 09 tháng 3 năm 2015, vợ chồng anh có vay của Anh Danh M số tiền là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), hai bên có làm hợp đồng vay vào ngày 09/3/2015, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng nhưng không thỏa thuận thời hạn vay, khi nào anh có sẽ trả. Mỗi tháng đóng lãi một lần số tiền là 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng), anh đóng lãi cho anh Minh được 24 tháng tổng cộng là 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng), khi anh đóng lãi không có làm biên nhận và cũng không có ai chứng kiến. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên từ đó đến nay vợ chồng anh không có khả năng trả vốn gốc và lãi cho Anh Danh M.

Nay Anh Danh M khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh phải trả cho anh Minh số tiền vay gốc là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 09/3/2015 đến ngày xét xử vụ án thì anh cũng đồng ý. Nhưng hiện nay hoàn cảnh gia đình anh quá khó khăn anh xin được trả vốn gốc, miễn trả lãi và trả dần mỗi tháng 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) đến khi dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét về thời hiệu khởi kiện: Việc hai bên thực hiện giao kết hợp đồng vay từ ngày 09/3/2015 đến nay đã hết thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên tại biên bản hòa giải địa phương ngày 22/4/2020, bên có nghĩa vụ là anh P, chị C đã thừa nhận toàn bộ khoản nợ vay cũng như nghĩa vụ của mình đối với anh Minh nên thời hiệu khởi kiện được bắt đầu lại theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 Bộ luật dân sự 2015.

Anh Danh M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng Anh Danh P, Chị Thị C trả số tiền vay và tiền lãi còn nợ nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Danh P, Chị Thị C là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại khu phố Vĩnh Phước, thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[2] Xét về nội dung tranh chấp:

Vào ngày 09/3/2015 anh Minh có cho vợ chồng anh P, chị C vay số tiền gốc là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), lãi suất 5%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng, có làm hợp đồng vay. Anh P, chị C có đóng lãi cho anh Minh được 02 tháng, đến nay anh P, chị C không thanh toán nợ gốc và lãi cho anh Minh. Nay anh Minh yêu cầu vợ chồng anh P, chị C trả cho anh số tiền vay gốc là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) và tiền lãi kể từ ngày 09/3/2015 đến ngày xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Anh Phở cũng thừa nhận và đồng ý trả cho anh Minh số tiền trên nhưng hiện nay hoàn cảnh gia đình anh quá khó khăn anh xin được trả vốn gốc, miễn trả lãi và trả dần mỗi tháng 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) đến khi dứt nợ, hai bên không thỏa thuận được nên phát sinh tranh chấp.

[3] Xét yêu cầu của anh Minh là yêu cầu anh P, chị C trả số tiền vay gốc 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) và tiền lãi kể từ ngày 09/3/2015 đến ngày xét xử vụ án theo quy định pháp luật là có cơ sở chấp nhận - Bởi lẽ trong quá trình giải quyết vụ kiện thì anh P, chị C đều thừa nhận còn nợ anh Minh số tiền vay gốc là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) và đồng ý trả nhưng xin được trả dần và miễn trả lãi. Xét việc xin trả dần và miễn trả lãi của anh P, chị C là không có cơ sở chấp nhận bởi việc vay từ năm 2015 cho đến nay mà không thanh toán nợ, nếu tiếp tục kéo dài sẽ làm thiệt thòi đến quyền lợi chính đáng của anh Minh.

Xét yêu cầu tính lãi của anh Minh yêu cầu anh P, chị C trả lãi trên số tiền gốc từ ngày 09/3/2015 cho đến ngày xét xử theo quy định pháp luật là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 476 của Bộ luật dân sự 2005: “Lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng”

Tiền lãi phát sinh từ ngày 09/3/2015 đến ngày xét xử 24/12/2020 là 69 tháng 15 ngày, lãi suất cơ bản là 9%/năm, tiền lãi phát sinh là:

$15.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/\text{tháng} \times 69 \text{ tháng} 15 \text{ ngày} = 11.728.125 \text{ đồng}$
(mười một triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn một trăm hai mươi lăm đồng)

Do việc thỏa thuận lãi suất giữa hai bên là 5%/tháng là vượt quá so với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải điều chỉnh lại lãi suất. Anh Minh thừa nhận anh P, chị C có đóng lãi cho anh được 02 tháng với số tiền là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), khấu trừ vào số tiền lãi anh Phở phải trả cho anh Minh, anh Phở còn phải trả cho anh Minh số tiền lãi là 10.228.125 đồng (mười triệu hai trăm hai mươi tám nghìn một trăm hai mươi lăm đồng)

Tổng số tiền gốc và lãi anh P, chị C phải thanh toán cho anh Minh là 25.228.125 đồng (hai mươi lăm triệu hai trăm hai mươi tám nghìn một trăm hai mươi lăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những cơ sở nhận định và phân tích trên Hội đồng xét xử nghị nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Minh xử buộc anh Phở, chị Cam phải có nghĩa vụ trả cho anh Minh số tiền gốc và lãi là 25.228.125 đồng (hai mươi lăm triệu hai trăm hai mươi tám nghìn một trăm hai mươi lăm đồng).

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 02 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Yêu cầu của anh Minh được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho anh Minh số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 375.000 đồng (ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003508 ngày 09/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

Anh P, chị C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền 25.228.125 đồng $\times 5\% = 1.261.406,25$ đồng, làm tròn là 1.261.406 đồng (một triệu hai trăm sáu mươi một nghìn bốn trăm lẻ sáu đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 269; Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 471, khoản 1 Điều 476 của Bộ luật dân sự 2005

Điểm a khoản 1 Điều 157; điểm c, d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015;

Khoản 02 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Anh Danh M đối với bị đơn Anh Danh P, Chị Thị C.

Buộc Anh Danh P, Chị Thị C phải có nghĩa vụ trả cho Anh Danh M số tiền gốc và lãi là 25.228.125 đồng (hai mươi lăm triệu triệu hai trăm hai mươi tám nghìn một trăm hai mươi lăm đồng)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Hoàn trả lại cho Anh Danh M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 375.000 đồng (ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003508 ngày 09/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Anh Danh P, Chị Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.261.406 đồng (một triệu hai trăm sáu mươi một nghìn bốn trăm lẻ sáu đồng)

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 24/12/2020.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

Dương Văn Hôm

